

TÒA ÁN NHÀ AN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN CỜ ĐỎ
THÀNH PHỐ CẦN THƠ
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 29/2020/HSST

Ngày 18 - 9 - 2020

NHÀ AN DAN HÀ
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÀ AN DÂN HUYỆN CỜ ĐỎ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Quốc Kiệt.

- *Các Hội thẩm nhà an dân:*

1. Ông Dương Hùng Dũng;

2. Ông Lương Hùng Dũng.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Thị Thanh Hà Huyền, Thư ký Tòa án nhà an dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhà an dân huyện Cờ Đỏ tham gia phiên tòa:* Bà Mạc Thị Thư – Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 18 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhà an dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 26/2020/HSST ngày 28 - 8 - 2020, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2020/QĐXXST-HS ngày 03 - 09 - 2020, đối với bị cáo:

, sinh ngày 19/3/2002, tại Cờ Đỏ, Cần Thơ.

ĐKHKTT: Ấp T, xã Đ, huyện Đ, TP. Cần Thơ.

Chỗ ở: Nhà trên.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 6/12;
Nghề nghiệp: Làm thuê;

Con ông H Văn T, sinh năm 1966 (Sống) và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1966 (Sống);

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận anh, chị ruột có 05 người (lớn nhất sinh năm 1989; nhỏ nhất sinh năm 1991 (ông H Văn T cung cấp sổ hộ khẩu gia đình).

Tiền án: Không.

Tiền sự: Ngày 29/7/2019, bị Công an huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ xử phạt 1.250.000 đồng về Hành vi xâm phạm đến sức khỏe người Kc.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 21/7/2020.

Hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Cờ Đỏ.

(Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

Bị hại: Bà Phan Thị Thu H, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Ấp T, xã Đ, huyện Đ, TP. Cần Thơ.

(Có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Nguyễn Ngọc K, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Ấp Mc, xã B, huyện T, TP. Cần Thơ.

(Có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa).

Ông Hồng Ngọc B, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Ấp M, xã B, huyện T, TP. Cần Thơ.

(Có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa).

Ông H Văn T, sinh năm 1966.

Nơi cư trú: T, xã Đ, huyện Đ, TP. Cần Thơ.

(Có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bản cáo trạng số 32/CT-VKSCĐ ngày 28/8/2020, của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cờ Đỏ truy tố bị cáo về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự với nội dung như sau:

Khoảng 16 giờ ngày 04/5/2020, đi bộ ngang qua nhà của bà Phan Thị Thu H, cách nhà Đ 500m, ngụ cùng địa chỉ Ấp T, xã Đ, huyện Đ, TP. Cần Thơ, Đ thấy trong nhà có cái máy xăng và dàn lắp, nhà bà H không có ai trông coi, nên Đ nảy sinh ý định trộm cắp, đến khoảng 18 giờ cùng ngày, Đ đi bộ từ nhà Đ đến nhà bà H, Đ trèo qua cổng rào vào trong, nhà không có khóa cửa, Đ mở cửa đi vào nhà lấy trộm một máy xăng hiệu BMC, màu cam đen, công suất 5,5HP; 01 dàn lắp bằng kim loại dài khoảng 02m, Đ mang tài sản về nhà rồi dùng võ lãi chở tài sản trộm đến nhà Nguyễn Ngọc K tại ấp Đông Phước, xã Đông Bình, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ, Đ nói với K là máy của Đ, nhờ K bán giúp với giá 2.000.000 đồng, sau đó, K đã bán tài sản trên cho ông Hồng Ngọc B ở gần nhà K với giá 2.000.000 đồng, K đưa Đ 1.500.000 đồng, còn 500.000 đồng K giữ lại do Đ nợ tiền của K. Bà H sau khi bị mất trộm có gặp K, bà H có nói về việc bị mất

trộm, nên K kêu bà H đến nhà ông B xem có đúng máy của bà H không, sau đó, bà H đi tìm thì biết là máy của bà H, nên đã trình báo công xã Thới Đông. Ngày 20/5/2020, ông B đã giao nộp máy xăng cùng dàn lái. Ngày 21/7/2020, bị bắt giam.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 19/KL.HĐ - ĐG ngày 15/6/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự - Ủy ban nhân dân huyện Cờ Đỏ kết luận: máy xăng, nhãn hiệu BMC, màu cam đen, công suất 5,5HP, có giá trị 1.700.000 đồng (một triệu bảy trăm ngàn đồng); lái máy làm bằng kim loại dài khoảng 02m, có giá trị 700.000 đồng (bảy trăm ngàn đồng) (Bút lục 08).

Quá trình điều tra, thành khẩn khai báo, phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng.

Bà Phan Thị Thu H đã nhận lại tài sản bị mất trộm và không có yêu cầu bồi thường.

Nguyễn Ngọc K và Hồng Ngọc B không biết tài sản do trộm cắp mà có, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không có xử lý với K và B. Ông B yêu cầu Đ trả lại cho ông 2.000.000 đồng, tiền mua máy xăng và dàn lái.

Đối với số tiền 500.000 đồng Nguyễn Ngọc K giao nộp, hiện đang được tạm giữ chờ xử lý.

Tại phiên tòa:

Bị cáo thừa nhận Hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã nêu, nhận thức được hành vi phạm tội, tỏ ra ăn năn, hối cải, nên xin được xem xét giảm nhẹ hình phạt và đồng ý trả lại cho ông Hồng Ngọc B số tiền 1.500.000 đồng là tiền K đưa cho bị cáo từ việc bán tài sản bị cáo đã trộm.

Ông H Văn T trình bày: Ông không biết được việc bị cáo dùng vỏ lãi của ông để vận chuyển tài sản đã trộm được, Cơ quan Cảnh sát điều tra không thu giữ gì của ông, nên ông không có ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cờ Đỏ phân tích lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa phù hợp với nhau; phù hợp với các chứng cứ đã được thu thập, có Đ cơ sở xác định bị cáo phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự, nên vẫn giữ nguyên quyết định truy tố như cáo trạng đã nêu. Sau khi phân tích các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ Luật hình sự xử phạt các bị cáo từ 09 tháng đến 01 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu gì khác, nên không xem xét.

Buộc bị cáo phải trả lại cho ông Hồng Ngọc B số tiền 1.500.000 đồng là số tiền bị cáo đã nhận của Nguyễn Ngọc K từ việc bán tài sản đã trộm.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự đề nghị:

Ghi nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cờ Đỏ trả lại tài sản cho bị hại.

Trả lại cho ông Hồng Ngọc B số tiền 500.000 đồng từ việc bán tài sản do bị cáo trộm mà Nguyễn Ngọc K giao nộp.

Sau khi thẩm tra các chứng cứ có trong hồ sơ, nghe lời khai của bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; ý kiến của Kiểm sát viên, tại phiên tòa.

NHÀN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Các quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, cơ quan truy tố, hành vi tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về Hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã được thực hiện đảm bảo theo quy định của pháp luật.

[2] Trách nhiệm hình sự: Với mong muốn có tiền tiêu xài cá nhân mà không cần phải lao động chân chính, bị cáo đã có hành vi trộm cắp tài sản của bà Phan Thị Thu H là 01 máy xăng hiệu BMC cùng 01 dàn laptop. Tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt là 2.400.000 đồng. Bị cáo là người đã thành niên, Đ khả năng nhận thức và Đ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo thực hiện Hành vi nguy hiểm cho xã hội, với lỗi cố ý trực tiếp, bị cáo xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Nên hành vi của bị cáo đã cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Do đó, cáo trạng truy tố đối với bị cáo là có cơ sở.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo tỏ ra ăn năn hối cải, thành khẩn khai báo, phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ hình phạt được quy định tại khoản i, s khoản 1, Điều 51 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, bị cáo có nhân thân xấu, có 01 tiền sự về hành vi xâm phạm đến sức khỏe của người khác, với hành vi và mức độ hậu quả do bị cáo gây ra cần phải có một mức án tương xứng và cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung cho xã hội.

Đối với Nguyễn Ngọc K và Hồng Ngọc B không biết tài sản do trộm cắp mà có, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không có xử lý với K và B là phù hợp.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 584, 585 Bộ luật dân sự 2015, bị cáo có trách nhiệm trả lại cho ông Hồng Ngọc B số tiền 1.500.000 đồng là tiền bị cáo nhận được từ K về việc bán tài sản đã trộm cho ông B.

Bị hại Phan Thị Thu H, đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu gì khác, nên không xem xét giải quyết.

[5] Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Cờ Đỏ trả lại tài sản cho bị hại, bị hại không có ý kiến gì khác, nên ghi nhận.

- Đối với số tiền bị tạm giữ: 500.000 đồng do Nguyễn Ngọc K giao nộp, đây là tiền có được từ việc bán tài sản do bị cáo trộm được, nên phải trả lại cho ông Hồng Ngọc B.

Theo biên bản giao nhận tài sản số 18/2020/BBGN-KBCĐ ngày 07/8/2020 (bút lục 110).

[6] Về án phí: Áp dụng Điều 136 luật tố tụng hình sự và điểm a, c Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2006 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo 09 (chín) tháng tù.

Thời hạn phạt tù, tính từ ngày 21/7/2020.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 584, 585 Bộ luật dân sự 2015.

Buộc bị cáo có trách nhiệm trả lại cho ông Hồng Ngọc B số tiền 1.500.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Ghi nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cờ Đỏ trả lại tài sản cho bị hại.

Trả lại ông Hồng Ngọc B số tiền do Nguyễn Ngọc K giao nộp là 500.000 đồng.

Theo biên bản giao nhận tài sản số 18/2020/BBGN-KBCĐ ngày 07/8/2020 (bút lục 110).

Về án phí: Áp dụng Điều 136 luật tố tụng hình sự và điểm a, c Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2006 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND TP. Cần Thơ;
- VKSND Huyện Cờ Đỏ;
- Công an huyện Cờ Đỏ;
- THADS huyện Cờ Đỏ;
- Bị cáo; người tham gia tố tụng Kc;
- Lưu hồ sơ.

Phạm Quốc Kiệt